TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:112/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 09 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊNH MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Ông Ngô Quốc Tiệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **129**/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2023; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phương Văn H, sinh năm 1997; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ ĐKHKTT: Ấp Q, xã W, huyện R, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ cư trú: Số 8/1, Khu phố B, phường F, thành phố G, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1997; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã W, huyện R, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/07/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phương Văn H trình bày: Nguyên năm 2016, anh Phương Văn H với chị Trần Thị T xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi

theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã W cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 04/09/2018. Sau đám cưới anh Phương Văn H cùng chị Trần Thị T sinh sống tại ấp Q, xã W, huyện R, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là bé Phương Thị Thảo M sinh ngày 23/12/2018 (theo Trích lục khai sinh số 1541/TLKS-BS ngày 28/12/2018) và bé Phương Trần Bảo Xsinh ngày 10/09/2020 (theo Giấy khai sinh số 682 ngày 21/09/2020), các con chung sống với anh Phương Văn H, do anh Phương Văn H nuôi dưỡng; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Sau cưới hỏi vợ chồng chung sống với nhau được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay.

Nay anh Phương Văn H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phương Văn H xin được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là bé Phương Thị Thảo M sinh ngày 23/12/2018 và bé Phương Trần Bảo Xsinh ngày 10/09/2020 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Trần Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 129/2023/TB-TLVA ngày 18/07/2023 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 155/2023/TB-TLVA ngày 03/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Sóc Trăng (nhận ngày 20/07/2023 và ngày 08/08/2023) nên chị Trần Thị T đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề anh Phương Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chị Trần Thị T không có văn bản trả lời theo Toán án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Phương Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với chị Trần Thị T; yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là bé Phương Thị Thảo M sinh ngày 23/12/2018 và bé Phương Trần Bảo Xsinh ngày 10/09/2020 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi), chị Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồngkhông có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Trần Thị T cư trú tại ấp Q, xã W, huyện R, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngài hoạc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phương Văn H và bị đơn Trần Thị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Phương Văn H và bị đơn Trần Thị T kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã W cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 04/09/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phương Văn H với chị Trần Thị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Phương Văn H và chị Trần Thị T chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung là bé Phương Thị Thảo M sinh ngày 23/12/2018 và bé Phương Trần Bảo Xsinh ngày 10/09/2020, theo anh Phương Văn H trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay. Bị đơn Trần Thị T tuy không có ý kiến và không tham gia tố tụng nhưng biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn Hùng mà không phản đối.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*" và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Do đó, anh Phương Văn H hoặc anh Phương Văn H cùng chị Trần Thị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 10/07/2023 anh Phương Văn H tự mình gửi đơn khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Phương Văn H trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay, thời gian anh Phương Văn H với chị Trần Thị T phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã nhiều năm, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái, nay anh Phương Văn H cương quyết ly hôn với chị Trần Thị T. Do đó, theo anh Phương Văn H yêu cầu xin được ly hôn với chị Trần Thị T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[4] Về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy, bé Phương Thị Thảo M sinh ngày 23/12/2018 và bé Phương Trần Bảo Xsinh ngày 10/09/2020, tính đến ngày xét xử sơ thẩm trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên quyết định giao bé cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của bé. Trên thực tế bé Nguyên và bé Khang từ khi anh Phương Văn H và chị Trần Thị T không còn chung sống thì anh Phương Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, bé Nguyên và bé Khang hiện được anh Phương Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tình cảm gắn bó với anh Phương Văn H, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của bé, nên sau khi ly hôn tiếp tục giao bé Nguyên và bé Khang cho anh Phương Văn H trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Anh Phương Văn H là người trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi bé Nguyên và bé Khang, đây là sự tự nguyện của anh Phương Văn H. Do vậy, theo anh Phương Văn H yêu cầu sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi bé Nguyên và bé Khang đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) và chị Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo anh Phương Văn H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện và giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi

kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phương Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho anh Phương Văn H và chị Trần Thị T được ly hôn.

- Về con chung: Giao bé Phương Thị Thảo M sinh ngày 23/12/2018 và bé Phương Trần Bảo Xsinh ngày 10/09/2020 cho anh Phương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) và chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Trần Thị T theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo anh Phương Văn H không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phương Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010247 ngày 17/07/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện R, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh Phương Văn H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã W;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi